

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm 200....



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỒ KHẮC LẬP**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Báo cáo của Ban giám đốc

Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán DN Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007



BDO AFC
Certified Public Accountants



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc :	2 – 5
2. Báo cáo Kiểm toán:	6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	
- Bảng cân đối kế toán	7 – 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 150/2004/QĐ-BCN ngày 01/12/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203001258 ngày 28/01/2005. Ngày 14/11/2005 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009929 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/01/2005 chuẩn y việc Công ty chuyển trụ sở từ thành phố Hải Phòng về thành phố Hà Nội. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư, vốn pháp định cũng như chủng loại, sản lượng sản xuất sản phẩm của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 1 số 0103009929 ngày 25 tháng 01 năm 2007 và lần 2 số 0103009929 ngày 20 tháng 9 năm 2007.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát đã điều hành và kiểm soát hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Như Hải
- Ông Nguyễn Đức Thái
- Ông Nguyễn Đức Độ

Chức vụ:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Thành viên
- Thành viên

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Đức Thái
- Ông Đinh Hồng Long
- Ông Thiệu Quang Thảo
- Ông Nguyễn Gia Thọ
- Ông Đoàn Văn Thức
- Ông Đỗ Khắc Lập

Chức vụ:

- Giám đốc
- Phó Giám đốc (Nghỉ việc từ ngày 05/3/07)
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng

Thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

- Nguyễn Đức Trắc
- Bà Phạm Thị Tư
- Ông Tô Hữu Trung

Chức vụ:

- Trưởng ban Kiểm soát
- Ủy viên
- Ủy viên



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

3. Trụ sở:

Công ty có trụ sở chính tại Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Ngoài ra Công ty còn có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Thương mại và Xây dựng Hà Nội có trụ sở tại số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải có trụ sở tại số 4 Cù Chính Lan, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Xí nghiệp Khai thác, Chế biến, Kinh doanh than có trụ sở tại số 55A Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Xí nghiệp Đầu tư, Kinh doanh bất động sản có trụ sở tại số 22 Đường Phan Đình Phùng, Phường Tây Sơn, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Ban Quản lý và Phát triển các dự án có trụ sở tại số 1 Quang Trung, Phường Vạn Thành, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.
- Xí nghiệp Chế biến, Kinh doanh Than – Khoáng sản tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 1/9 Giang Văn Minh, khu phố 4, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Khai thác và Kinh doanh khoáng sản có trụ sở tại xã Ngọc Linh, huyện Vĩnh Xuyên, tỉnh Hà Giang.

4. Hoạt động chính:

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007, hoạt động chính của Công ty là Khai thác, chế biến kinh doanh than và khoáng sản các loại, dịch vụ bốc xúc đất đá, than; Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, cầu cảng, cho thuê bến bãi, kho, sản xuất kinh doanh lắp ráp, tiêu thụ bảo hành xe tải nặng và xe chuyên dùng các loại, các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa cải tạo phương tiện thủy bộ, các loại xà lan 250 đến 500 tấn, tàu đẩy 150 – 200CV; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng và bất động sản; Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu ủy thác các loại vật tư thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, sắt thép, xăng dầu hàng tiêu dùng và Kinh doanh vật tư thiết bị...

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 như sau:

	Đơn vị: VND
- Doanh thu thuần	1.914.456.687.743
- Lãi sau thuế	43.690.556.992

2008
HÀNH
CÔNG T
HỆM H
DÂN V
NH KẾ
HÀ N
SỸ-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

6. Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

- Ngày 02 tháng 10 năm 2007 Công ty đã họp Đại hội cổ đông bất thường thông qua việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ hiện tại của Công ty lên 100 tỷ đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển và phát hành thêm cổ phiếu mới;
- Theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 01 năm 2007 của Hội đồng quản trị Công ty, Xí nghiệp Đầu tư và khai thác khoáng sản được sáp nhập nguyên trạng vào Xí nghiệp Đầu tư, Kinh doanh bất động sản từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 ông Nguyễn Văn Biên nhận chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Quyết định 2952/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam thay ông Nguyễn Như Hải đã thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định 2951/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2007.

8. Công ty kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

10. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2008



Nguyễn Đức Thái

Số: 80 /2008/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁNvề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007
của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 33 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Báo cáo tài chính nêu trên không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC),
Chi nhánh Hà Nội****Đỗ Thị Ánh Tuyết**
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ.0079/KTV**Bùi Ngọc Hà**
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		705.242.133.937	466.540.918.395
I.	Tiền và tương đương tiền	110		47.207.744.579	34.927.235.188
1.	Tiền	111	V.01	47.207.744.579	34.927.235.188
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369.367.673.101	213.523.011.849
1.	Phải thu khách hàng	131		279.777.768.235	170.004.066.399
2.	Trả trước cho người bán	132		69.827.498.428	44.372.954.527
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	22.438.089.945	6.817.063.401
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.675.683.507)	(7.671.072.478)
IV.	Hàng tồn kho	140		266.319.583.690	205.621.053.644
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	266.319.583.690	205.621.053.644
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		22.347.132.567	12.469.617.714
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.187.272.567	2.964.405.915
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.737.159.065	3.291.587.634
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	773.390.258	92.192.411
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		6.649.310.677	6.121.431.754
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.669.872.033	135.821.162.443
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		89.207.139.233	96.810.240.424
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	74.615.160.873	83.224.284.897
	- Nguyên giá	222		143.578.422.367	129.736.518.854
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(68.963.261.494)	(46.512.233.957)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.215.309.847	1.120.785.747
	- Nguyên giá	228		1.215.309.847	1.215.309.847
	- Giá trị khấu hao lũy kế	229		-	(94.524.100)
4.	Chi phí XDCB dở dang	230	V.11	13.376.668.513	12.465.169.780
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		83.350.000.000	35.610.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54.940.000.000	35.610.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	28.410.000.000	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		112.732.800	3.400.922.019
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	3.283.689.219
3.	Tài sản dài hạn khác	268		112.732.800	117.232.800
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		877.912.005.970	602.362.080.838

01120
CHÍNH
CÔNG
KẾ TOÁN
CHÍNH
TÀI H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		797.647.645.538	560.564.955.197
I.	Nợ ngắn hạn	310		753.610.678.412	545.316.070.195
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	156.417.001.971	114.893.791.746
2.	Phải trả người bán	312		456.946.991.568	274.252.298.698
3.	Người mua trả tiền trước	313		36.354.327.511	8.396.504.264
4.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.990.773.307	2.472.582.871
5.	Phải trả người lao động	315		17.452.211.597	10.598.193.738
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	25.460.094.435	7.460.002.328
7.	Phải trả nội bộ	317		19.825.551.492	111.433.498.307
9.	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	37.806.782.510	15.809.198.243
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		356.944.021	-
II.	Nợ dài hạn	330		44.036.967.126	15.248.885.002
3.	Phải trả dài hạn khác	333		3.733.982.500	414.182.500
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	39.991.698.685	14.834.702.502
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		311.285.941	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.264.360.432	41.797.125.641
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	76.674.198.461	39.600.539.176
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		49.291.096.168	17.829.407.783
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.000.000.000	920.667.990
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.383.102.293	850.463.403
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II.	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.590.161.971	2.196.586.465
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.590.161.971	2.196.586.465
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		877.912.005.970	602.362.080.838

03/16
ANH
TY
HỮU
VỐN
TỔA
HỘI
P. HP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		28.659.195.815	11.126.469.833
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		564.180.191	564.180.191
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		4.410.05	5,553.06
+ EUR		26.19	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG *Đ*

Đỗ Khắc Lập



Nguyễn Đức Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.915.311.101.829	1.498.590.935.813
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	854.414.086	1.006.190.476
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	1.914.456.687.743	1.497.584.745.337
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.744.543.147.603	1.367.249.287.070
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		169.913.540.140	130.335.458.267
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	9.646.557.622	1.541.187.231
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	21.808.140.872	20.641.060.895
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.500.138.883</i>	<i>12.073.089.485</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		102.126.132.378	70.549.580.362
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		55.837.974.887	47.012.625.044
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(212.150.375)	(6.326.620.803)
11.	Thu nhập khác	31		57.524.574.456	44.024.717.858
12.	Chi phí khác	32		6.500.307.347	14.075.980.615
13.	Lợi nhuận khác	40		51.024.267.109	29.948.737.243
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.812.116.734	23.622.116.440
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	7.121.559.742	
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.690.556.992	23.622.116.440
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.34	21.845	118.111

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Khắc Lập

Đỗ Khắc Lập



Nguyễn Đức Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MA SỐ	Năm 2007	Năm 2006
I -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.985.591.156.541	1.864.156.333.596
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(2.173.963.605.066)	(1.416.042.632.877)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(57.032.063.718)	(38.580.970.395)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(12.133.120.990)	(10.940.033.038)
5.	Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.804.433.589)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	469.897.898.003	469.453.701.334
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(705.068.451.545)	(570.972.314.225)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	499.487.379.636	297.074.084.395
II -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.055.154.315)	(17.981.219.435)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	146.051.636	157.170.799
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(9.780.000.000)	(2.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.540.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.229.102.679)	(9.824.048.636)
III -	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	124.223.009.639	34.164.256.462
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(568.201.003.857)	(319.134.572.120)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(443.977.994.218)	(284.970.315.658)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.280.282.739	2.279.720.101
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.927.235.188	32.647.131.134
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	226.652	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.207.744.579	34.926.851.235

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG *A*

Đỗ Khắc Lập

Đỗ Khắc Lập



Nguyễn Đức Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 150/2004/QĐ-BCN ngày 01/12/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203001258 ngày 28/01/2005. Ngày 14/11/2005 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009929 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/01/2005 chuẩn y việc Công ty chuyển trụ sở từ thành phố Hải Phòng về thành phố Hà Nội. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư, vốn pháp định cũng như chủng loại, sản lượng sản xuất sản phẩm của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 1 số 0103009929 ngày 25 tháng 01 năm 2007 và lần 2 số 0103009929 ngày 20 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác, tận thu, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản các loại;
- Dịch vụ bốc xúc, san lấp, vận chuyển than và đất đá;
- Sản xuất, lắp ráp, tiêu thụ, bảo hành xe tải nặng và xe chuyên dùng các loại;
- Sản xuất phụ tùng ô tô và các sản phẩm cơ khí;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng;
- Đóng mới, cải tạo, phương tiện thủy, bộ các loại: sà lan các loại 250-500 tấn, tàu đẩy 150-200 CV (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng và bất động sản;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu uỷ thác các loại vật tư, thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, sắt thép, xăng dầu, hàng tiêu dùng ;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, cầu cảng, bến bãi;
- Tư vấn, khảo sát, lập dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật (chỉ được thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã có trong ĐKKD);
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, thiết kế kiến trúc nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế kiến trúc hạ tầng các khu đô thị và công nghiệp;
- Đại lý bán hàng cho các hãng nước ngoài phục vụ sản xuất trong và ngoài ngành...
- Xây dựng các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, hoá chất;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ du lịch khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Sản xuất, kinh doanh bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Sản xuất kinh doanh gas;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Cho thuê phương tiện vận tải thủy, bộ, cho thuê máy móc thiết bị;

0112
CHÍNH
CƠ
HÀNH
TOÁN
TÍNH
ALH
DẤY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

- Khai thác lọc nước phục vụ công nghiệp, sinh hoạt;
- Xây dựng, lắp đặt, khai thác các công trình xử lý môi trường;
- Kinh doanh thiết bị về môi trường;

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

Công ty có trụ sở tại Số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Thương mại và Xây dựng Hà Nội có trụ sở tại số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải có trụ sở tại số 4 Cù Chính Lan, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Xí nghiệp Khai thác, Chế biến, Kinh doanh than có trụ sở tại số 55A Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Xí nghiệp Đầu tư, Kinh doanh bất động sản có trụ sở tại số 22 Đường Phan Đình Phùng, Phường Tây Sơn, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Ban Quản lý và Phát triển các dự án có trụ sở tại số 1 Quang Trung, Phường Vạn Thành, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.
- Xí nghiệp Chế biến, Kinh doanh Than – Khoáng sản tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 1/9 Giang Văn Minh, khu phố 4, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Khai thác và Kinh doanh khoáng sản có trụ sở tại xã Ngọc Linh, huyện Vĩnh Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 01 năm 2007 của Hội đồng quản trị Công ty, Xí nghiệp Đầu tư và khai thác khoáng sản được sáp nhập nguyên trạng vào Xí nghiệp Đầu tư, Kinh doanh bất động sản từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Đến ngày 31/12/2007, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 790 người, trong đó số nhân viên quản lý là 150 người.

II. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 được bắt đầu từ ngày 01/01/2007 và kết thúc tại ngày 31/12/2007.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

03/1
LÃNH
ĐY
THƯ
ĐẦU
TƯ
CỔ PHẦN
HÀ NỘI
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002.
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003.
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005.
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

2. Hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Riêng đối với sản phẩm dở dang và thành phẩm than, phương pháp xác định giá trị được áp dụng theo Quyết định số 2971/QĐ-HDQT ngày 27 tháng 12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Dự phòng hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:

Thời gian (năm)

Máy móc thiết bị	[4 – 12]
Thiết bị văn phòng	[5 – 12]
Phương tiện vận tải	[5 – 10]
Nhà cửa, Vật kiến trúc	[6 – 25]
Tài sản cố định khác	[4 – 6]

Tài sản cố định vô hình của công ty là quyền sử dụng đất lâu dài. Theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, quyền sử dụng đất lâu dài là tài sản cố định vô hình đặc biệt, doanh nghiệp không được trích khấu hao.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được Công ty phản ánh theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh.

5. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Các khoản chi phí đi vay được ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

6. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính như: chi phí điện, nước, điện thoại, thuê kho bãi và các chi phí sản xuất chế biến than được trích theo phương án của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

7. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên tham gia góp vốn khi chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, cổ đông của Công ty gồm:

(Đơn vị: VND)

Tên cổ đông	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD	Vốn thực góp	Tỷ lệ
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN	11.400.000.000	11.400.000.000	57%
Các cổ đông khác	8.600.000.000	8.600.000.000	43%
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

8. Doanh thu:

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế xác định được một cách chắc chắn trong tương lai: xuất hoá đơn GTGT, hàng đã được giao cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Giá bán than của Công ty theo quy định của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản trong từng thời kỳ.

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hợp đồng xây dựng và các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng trên cơ sở nghiệm thu công trình hoàn thành thực tế.

Doanh thu tài chính của Công ty bao gồm các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính.

9. Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận căn cứ vào thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty được áp dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

11. Một số nội dung khác có liên quan:

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Các sản phẩm than, vật tư, phụ tùng ô tô, xe chuyên dụng, ô tô tải: 5%.
- Xây dựng: 10%
- Các loại dịch vụ, vật tư, hàng hoá khác: 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm 28%.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm tài chính 2007 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các khoản khác biệt về thuế sau khi Cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

12. Điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm (01/01/2007)

12.1. Trình bày lại chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Mã số trên	Số liệu ngày	Số liệu ngày	Chênh lệch	Ghi chú
	Bảng CĐKT	31/12/2006 đã được kiểm toán	31/12/2006 đã điều chỉnh lại		
1. Quỹ Đầu tư phát triển	417	16.747.936.247	17.829.407.783	1.081.471.536	(1)
2. Quỹ Dự phòng TC	418	2.152.602.929	920.667.990	(1.231.934.939)	(1)
3. Quỹ khác thuộc vốn CSH	419	-	850.463.403	850.463.403	(1)
4. Quỹ KT phúc lợi	431	2.896.586.465	2.196.586.465	(700.000.000)	(1)

(1): Điều chỉnh lại số dư 31/12/2006 đã được kiểm toán theo Công văn số 2180/CV-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân chia lợi nhuận năm 2006 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV. Xem chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính Mục V.22.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 Phố Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

12.2. Trình bày lại chỉ tiêu Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Mã số trên	Số liệu ngày	Số liệu ngày	Chênh lệch	Ghi chú
	Bảng CĐKT	31/12/2006 đã được kiểm toán	31/12/2006 đã điều chỉnh lại		
1. Phải trả người bán	312	274.511.357.389	274.252.298.698	(259.058.691)	(2)
2. Trả trước cho người bán	132	44.632.013.218	44.372.954.527	(259.058.691)	(2)

(2): Điều chỉnh lại chỉ tiêu Phải trả người bán và chỉ tiêu Trả trước cho người bán do Công ty không bù trừ số tiền phải trả Công ty Xây dựng Tâm Anh với số tiền Công ty đã trả trước cho Công ty này với số tiền 259.058.691 đồng.

12.3. Trình bày lại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Mã số trên	Số liệu ngày	Số liệu ngày	Chênh lệch	Ghi chú
	Bảng CĐKT	31/12/2006 đã được kiểm toán	31/12/2006 đã điều chỉnh lại		
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	88.066.411	92.192.411	4.126.000	(3)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.468.456.871	2.472.582.871	4.126.000	(3)

(3): Điều chỉnh lại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31/12/2006 đã được kiểm toán do Công ty không trình bày số dư Nợ Tài khoản Thuế đất và tiền thuế đất với số tiền 2.676.000 đồng và số dư Nợ Tài khoản Các loại thuế khác với số tiền 1.450.000 đồng vào chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước mà bù trừ vào chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Tổng chênh lệch giữa Tài sản, Nguồn vốn tại ngày 31/12/2006 và Tài sản, Nguồn vốn tại ngày 31/12/2006 sau khi điều chỉnh hồi tố là: 254.932.691 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Tiền mặt tại quỹ	(i) 15.288.516.224	7.739.152.298
- Tiền gửi ngân hàng	31.919.228.355	27.188.082.890
Cộng	47.207.744.579	34.927.235.188
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm:		
	USD	VND
- Ngoại tệ - USD		-
- Đồng Việt Nam (VND)		15.288.516.224
Cộng		15.288.516.224
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm:		
	Ngoại tệ	VND
+ Ngân hàng ABN AMRO		5.941.213.784
+ Ngân hàng ANZ Hà Nội		29.669.771
+ Ngân hàng Công thương Hồng Bàng		45.306.446
+ Ngân hàng ĐT&PT Quảng Ninh		622.477.781
+ Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng		3.631.072
+ Ngân hàng ĐT và PT Hà Giang		157.435.829
+ Ngân hàng HSBC chi nhánh Hà Nội		17.224.404
+ Ngân hàng ĐT&HT QT - CN Hà Nội		38.492.779
+ Ngân hàng NN & PTNT Nam Hà Nội		1.296.129.966
+ Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN		105.536.739
+ Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng		6.512.151
+ Ngân hàng TM Cổ phần Quân đội Hà Nội		37.788.529
+ Ngân hàng CPTM XNK Việt Nam - CN Hà Nội		12.439.820
+ Ngân hàng Nông nghiệp Ưông Bí		370.030
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		1.362.349
+ USD tại Ngân hàng ABN AMRO	470.60	7.583.248
+ EUR tại Ngân hàng ABN AMRO	2.00	47.570
+ USD tại NH Công thương Hồng Bàng	411.07	6.623.982
+ USD tại NH Đầu tư & PT Quảng Ninh	7.82	126.011
+ USD tại Ngân hàng NN&PTNT Nam HN	15.63	252.143
+ USD tại NH Ngoại thương Hải Phòng	831.16	13.393.312
+ USD tại Ngân hàng TMCP QĐ Hà Nội	1353.61	21.812.072
+ EUR tại Ngân hàng TMCP QĐ Hà Nội	24.19	575.359
+ USD tại Tecombank	100.01	1.611.561
+ USD tại Eximbank Hà Nội	594.15	9.574.133

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<u>Ngoại tệ</u>	<u>VND</u>
+ NH CT Đồng Đa		22.178.345
+ NH No và PTNT Đồng Đa		10.981.413.866
+ NH TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ		3.220.876.818
+ NH NN&PT NT Láng Hạ		128.384.120
+ NH TMCP An Bình		17.977.003
+ NH NN&PT NT Quảng Ninh		1.074.934
+ USD tại NH TMCP Quân Đội		
- CN Điện Biên Phủ	463.54	7.469.456
USD tại NH NN&PT NT Đồng Đa	161.91	2.608.994
+ NH Công thương Hồng Bàng HP		2.002.574.993
+ NH Ngoại Thương		395.398.276
+ NH Công Thương Ngô Quyền HP		-
+ NH TMCP Hàng Hải		79.440.903
+ NH TMCP Quân Đội		4.221.457.914
+ Ngân hàng TMCP Quân đội		1.002.366
+ NH BIDV QN		286.859.297
+ BIDV Gia Lai		640.710.707
+ NN&PTNT Yên Đỗ		138.096.525
+ NH Hàng Hải Nha Trang		-
+ NN&PT NT Nha Trang		1.475.069
+ BIDV Khánh Hoà		820.281.472
+ VIBank Nha Trang		-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN An Phú		11.055.981
+ Chi nhánh HABUBANK tại HCM		1.253.900
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đông Sài Gòn		8.719.717
+ Techcombank Tân Bình		4.839.937
+ NH Ngoại Thương VN tại HCM		546.878.265
+ USD tại NH Ngoại Thương VN tại HCM	0.55	8.656
Cộng		<u><u>31.919.228.355</u></u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	<u>31/12/2007</u>	<u>01/01/2007</u>
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Dự Nợ phải trả phải nộp khác	120.564.556	456.670.580
- Phải thu khác	(i) 22.317.525.389	6.360.392.821
Cộng	<u><u>22.438.089.945</u></u>	<u><u>6.817.063.401</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(i) Trong đó bao gồm 1 số đối tượng sau:

- Công ty Cổ phần Vốn Thái Thịnh (dự án Khu đô thị Vĩnh Thái)	17.700.000.000
- Đoàn Cảnh Toàn	2.159.641.353
- Công ty Ngoại thương Kamaz	605.043.914
- Công ty Kiều Dương	1.277.848.278
- Các đối tượng khác	574.991.844
Cộng	22.317.525.389

4. Hàng tồn kho:

	31/12/2007	01/01/2007
- Hàng mua đang đi đường	11.587.516.000	3.956.349.600
- Nguyên liệu, vật liệu	16.428.942.643	3.686.204.887
- Công cụ, dụng cụ	301.350.523	27.166.027
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.870.462.717	53.373.627.724
- Thành phẩm	7.575.059.485	13.257.337.222
- Hàng hoá	201.167.388.322	130.770.714.847
- Hàng gửi bán	2.388.864.000	549.653.337
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Cộng	266.319.583.690	205.621.053.644

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

	31/12/2007	01/01/2007
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	770.940.258	88.066.411
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế đất và tiền thuê đất	-	2.676.000
- Các loại thuế khác	2.450.000	1.450.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	773.390.258	92.192.411

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	13.089.765.121	10.968.445.451	102.886.327.505	2.242.746.330	549.234.447	129.736.518.854
- Mua trong năm	-	21.786.509.635	445.452.922	276.211.225	-	22.508.173.782
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.322.274.268	-	-	-	-	1.322.274.268
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	235.668.139	6.171.602.181	2.301.109.667	507.245.691	-	9.215.625.678
- Giảm khác	772.918.859	-	-	-	-	772.918.859
Số dư cuối kỳ	13.403.452.391	26.583.352.905	101.030.670.760	2.011.711.864	549.234.447	143.578.422.367
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	6.720.500.474	3.592.750.394	33.907.004.294	1.881.197.199	410.781.596	46.512.233.957
- Khấu hao trong năm	1.120.434.514	6.550.398.726	20.614.556.513	337.951.011	138.452.851	28.761.793.615
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	112.433.344	4.265.818.051	1.660.937.149	271.577.534	-	6.310.766.078
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.728.501.644	5.877.331.069	52.860.623.658	1.947.570.676	549.234.447	68.963.261.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	6.369.264.647	7.375.695.057	68.979.323.211	361.549.131	138.452.851	83.224.284.897
Tại ngày cuối kỳ	5.674.950.747	20.706.021.836	48.170.047.102	64.141.188	-	74.615.160.873

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

6.496.625.021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bằng sáng chế	TSCĐ khác	Đơn vị: VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	1.215.309.847	-	-	-	1.215.309.847
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.215.309.847	-	-	-	1.215.309.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	94.524.100	-	-	-	94.524.100
- Khấu hao trong kỳ	(94.524.100)	-	-	-	(94.524.100)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	1.120.785.747	-	-	-	179.389.420
Tại ngày cuối kỳ	1.215.309.847	-	-	-	1.120.785.747
					1.215.309.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Tổng số chi phí XD/CB dở dang:	13.376.668.513	12.465.169.780
Trong đó các công trình lớn:		
+ Máy khoan bánh xích đập đê	89.280.000	89.280.000
+ Đầu tư nhà Láng Hạ - Thanh Xuân (i)	12.686.848.833	12.325.071.598
(i) Chi tiết:		
- Nộp 60% tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất lô A khu 1.14HH tuyến Láng Hạ - Thanh Xuân		11.756.400.000
- Chi phí lãi vay cho dự án		614.561.560
- Chi phí khảo sát		315.887.273
Cộng		12.686.848.833

13. Đầu tư tài chính dài hạn:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	54.940.000.000	35.610.000.000
+ Công ty Cổ phần Vốn Thái Thịnh (Dự án Khu đô thị Uông Bí)	32.540.000.000	-
+ Công ty CP Vốn Thái Thịnh và GGL (Khu Đô thị Vinh Thái)	-	35.610.000.000
+ Công ty CP Vốn Thái Thịnh (Dự án Khu dân cư Thái An)	22.400.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	28.410.000.000	-
+ Công ty Alumin Nhân Cơ	200.000.000	-
+ Công ty Vận tải Thủy	2.000.000.000	-
+ Công ty Việt Mỹ - ITASCO	5.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xi măng Tân Quang (i)	1.800.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BĐS Hà Tây	1.500.000.000	-
+ Công ty CP Phát triển đô thị Vinh Thái	17.910.000.000	-
Cộng	83.350.000.000	35.610.000.000

- (i) Theo Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty Cổ phần Xi măng Tân Trào - TKV ngày 31 tháng 7 năm 2007 Công ty cam kết góp 5% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Tân Trào (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Tân Quang) tương đương 15 tỷ đồng. Trong năm tài chính 2007 Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Xi măng Tân Quang số tiền 1.800.000.000 đồng, trong đó Công ty Tài chính - ITASCO đóng góp 40% tương đương 720.000.000 đồng theo Biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty Tài chính - ITASCO ngày 24 tháng 9 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

14. Chi phí trả trước dài hạn:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- DÀ cầu sắt	-	3.283.689.219
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai, không đủ tiêu chuẩn TSCĐ vô hình	-	-
Cộng	-	3.283.689.219

15. Vay và nợ ngắn hạn:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Vay ngắn hạn	136.807.792.592	109.571.385.332
- Nợ dài hạn đến hạn trả	19.609.209.379	5.322.406.414
Cộng	156.417.001.971	114.893.791.746

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Thuế giá trị gia tăng	854.742.732	764.178.581
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	332.633.454	600.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	171.971.557	47.425.810
- Thuế tài nguyên	487.161.265	528.760.253
- Thuế đất và tiền thuê đất	300.000.000	300.000.000
- Các loại thuế khác	99.774.124	703.739
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	744.490.175	830.914.488
Cộng	2.990.773.307	2.472.582.871

17. Chi phí phải trả:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí phải trả khác	(i) 25.460.094.435	7.460.002.328
Cộng	25.460.094.435	7.460.002.328

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(i) Chi tiết chi phí phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2007:

+ Trích trước chi phí khai thác mỏ	24.482.113.047
+ Trích trước chi phí vận chuyển, bốc xúc chế biến than	19.913.148
+ Trích trước chi phí giám định than	619.770.976
+ Trích trước tiền đo đạc bản vẽ kho than	22.727.273
+ Trích trước chi phí kiểm toán	167.767.000
+ Trích trước chi phí điện thoại, điện, nước	92.410.072
+ Trích trước chi phí đăng kiểm	7.465.935
+ Trích trước chi phí lãi vay	47.926.984
Cộng	25.460.094.435

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	1.081.286.258	387.319.416
- Bảo hiểm xã hội	25.011.458	5.047.553
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	336.887.064	179.274.404
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	1.500.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	(i) 36.363.597.730	15.237.556.870
Cộng	37.806.782.510	15.810.698.243

(i) Trong đó bao gồm 1 số đối tượng:

+ Chi phí phải trả dự án Uông Bí	9.985.604.952
+ Chi phí bảo hành lắp ráp xe	4.625.618.400
+ Công trường 13,+ 14 Cao Sơn	3.370.886.000
+ Công ty CP Dịch vụ dạy nghề Thái Dương	2.466.870.032
+ Công ty CP Tuấn Thành	3.389.166.861
+ Cổ tức phải trả	3.000.000.000
+ Công ty Thương mại Quốc tế UTMOST	481.350.000
+ Phí đào tạo y tế	293.585.091
+ Quỹ thưởng Tập đoàn	119.500.000
+ Trích trước thuế tài nguyên	750.846.029
+ Nguyễn Văn Tuyền (huy động vốn)	2.400.000.000
+ Nguyễn Phương Mai (huy động vốn)	600.000.000
+ Nguyễn Thu Hiền (huy động vốn)	900.000.000
+ Nguyễn Thị Hiền (huy động vốn)	300.000.000
+ Phan Văn Đức (huy động vốn)	500.000.000
+ Các đối tượng khác	3.180.170.365
Cộng	36.363.597.730

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

20. Vay và nợ dài hạn:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Vay dài hạn	39.991.698.685	14.834.702.502
+ Vay ngân hàng	12.883.513.235	14.834.702.502
+ Vay đối tượng khác	27.108.185.450	
+ Trái phiếu phát hành		
- Nợ dài hạn	-	-
+ Thuê tài chính	-	-
+ Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	39.991.698.685	14.834.702.502

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Vốn góp của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
- Vốn góp của đối tượng khác	8.600.000.000	8.600.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: -

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2007	Năm 2006
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ tức:

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		14.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		14.000
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		-

Cổ phiếu:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	200.000
+ Cổ phiếu phổ thông (i)	2.000.000	200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

(i) Biên bản họp đại hội cổ đông bất thường ngày ... tháng ... năm 2007 đã thông qua việc thay đổi mệnh giá cổ phiếu của Công ty từ 100.000 đồng/CP xuống còn 10.000 đồng/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Quỹ đầu tư phát triển	49.291.096.168	17.829.407.783
- Quỹ dự phòng tài chính	5.000.000.000	920.667.990
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.383.102.293	850.463.403
Cộng	56.674.198.461	19.600.539.176

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ Đầu tư phát triển dùng để tăng vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ Dự phòng tài chính dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Năm 2007	Năm 2006
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.915.311.101.829	1.498.590.935.813
- Doanh thu bán hàng	1.664.425.815.937	1.311.355.252.393
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	250.603.532.719	183.361.758.336
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	281.753.173	3.873.925.084
+ Doanh thu HĐXD ghi nhận trong kỳ	281.753.173	3.873.925.084
+ Doanh thu lũy kế của HĐXD	17.061.292.628	16.779.539.455

26. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Năm 2007	Năm 2006
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	854.414.086	1.006.190.476
- Chiết khấu thương mại	665.714.086	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	1.006.190.476
- Thuế xuất khẩu	188.700.000	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

27. Doanh thu thuần:

	Đơn vị: VND	
	Năm 2007	Năm 2006
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	1.914.456.687.743	1.497.584.745.337
- D. thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	1.663.853.155.024	1.314.222.987.001
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	250.603.532.719	183.361.758.336

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:

	Đơn vị: VND	
	Năm 2007	Năm 2006
- Giá vốn hàng hoá đã bán	920.264.756.809	572.618.986.645
- Giá vốn thành phẩm đã bán	645.535.842.952	635.605.787.661
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	178.742.547.842	159.024.512.764
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	-
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.744.543.147.603	1.367.249.287.070

29. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Đơn vị: VND	
	Năm 2007	Năm 2006
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.501.390.136	896.801.753
- Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.008.177.509	213.324.358
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.658.668	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	122.331.309	431.061.120
Cộng	9.646.557.622	1.541.187.231

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

30. Chi phí tài chính:

Đơn vị: VND

	Năm 2007	Năm 2006
- Lãi tiền vay	18.500.138.883	19.460.931.496
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.240.605.529	1.179.689.041
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.396.460	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	440.358
Cộng	21.808.140.872	20.641.060.895

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Đơn vị: VND

	Năm 2007	Năm 2006
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	7.121.559.742	-
Cộng	7.121.559.742	-
(*) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	50.812.116.734	23.622.116.440
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.167.142	-
+ Các chi phí không hợp lý	52.737.792	-
+ Các chi phí khác	3.429.350	-
Tổng thu nhập chịu thuế	50.868.283.876	23.622.116.440
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.243.119.485	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	7.121.559.743	-
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	7.121.559.742	-

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

Đơn vị: VND

	Năm 2007	Năm 2006
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	383.133.367.036	517.773.875.029
- Chi phí nhân công	80.011.476.141	51.428.979.115
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.761.793.615	18.033.273.913
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	417.825.710.044	298.414.299.038
- Chi phí khác bằng tiền	60.258.758.979	29.343.666.256
Cộng	969.991.105.815	914.994.093.351

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - TKV

Địa chỉ: Số 01 - Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2007	Năm 2006
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	43.690.556.992	23.622.116.440
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi)	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.690.556.992	23.622.116.440
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	200.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.845	118.111

Đơn vị: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Sự kiện phát sinh sau niên độ:

Ngày 02 tháng 10 năm 2007 Công ty đã họp Đại hội cổ đông bất thường thông qua việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ hiện tại của Công ty lên 100 tỷ đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển và phát hành thêm cổ phiếu mới.

5. Thông tin so sánh:

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông và được trình bày lại cho phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG *th*

Đỗ Khắc Lập



Nguyễn Đức Thái